

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 02 - 2018

V/v “Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Tự;

2. Ông Phạm Văn Liệt.

-Thư ký phiên tòa: ông Phan Công Trộn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: ông Phan Tấn Xuân Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 467/2017/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXX-ST, ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trương Thị Bích O, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Lê Văn Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Trương Thị Bích O (sau đây gọi chị O) trình bày: giữa chị và bị đơn Lê Văn Đ (sau đây gọi anh Đ) tự tìm hiểu và tự nguyện quyết định đi đến đời sống chung năm 2007, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường cãi vã nhau trong cuộc sống và

đã sống ly thân từ đó đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh Đ.

-Về con chung: có một con chung tên Trương Thị Thu Tr (nữ), sinh ngày 01.3.2009. Từ khi ly thân đến nay con chung sống với chị O, nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, anh Đ có lời trình bày: giữa anh và chị O tự quyết định đi đến sống chung với nhau vào năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn, chung sống đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân khi anh Đ chấp hành hình phạt tù thì chị O có tình cảm với người đàn ông khác, do chị O không còn tình cảm với anh nên anh cũng đồng ý ly hôn. Về con chung có một người con chung tên Tr, hiện đang sống với chị O, nay ly hôn anh Đ đồng ý để chị O nuôi dưỡng con chung, anh Đ chưa phải cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: chị O thừa nhận lời trình bày của anh Đ là đúng. Riêng về vấn đề anh Đ cho rằng chị có tình cảm với người đàn ông khác là không đúng

Tại bản tự khai ngày 28.02.2017 (có sự chứng kiến của chị O) cháu Trương Thị Thu Tr trình bày: khi cha, mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: chị O và anh Đ tự nguyện tiến tới đời sống chung như vợ chồng vào năm 2007 nhưng không đăng ký kết hôn theo

quy định nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị O, Hội đồng xét xử xét thấy: trong thời gian chung sống giữa chị và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống mà không có biện pháp để hòa giải đoàn tụ, vợ chồng sống ly thân từ năm 2009 đến nay, tự ai người đó sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa đã tạo điều kiện để anh chị được đoàn tụ và tiến tới đăng ký kết hôn theo quy định nhưng cả chị và anh đều xác định là không còn tình cảm vợ chồng và đều đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, do hôn nhân giữa anh chị không đăng ký kết hôn nên khi có yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận anh chị là quan hệ vợ chồng.

[5] Về con chung: chị O và anh Đ không tranh chấp về quyền nuôi con chung, anh chị đồng ý giao con chung cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ chưa phải cấp dưỡng. Vấn đề này phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr nên có căn cứ giao con chung cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng.

[6] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét;

[7] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị không nhận chị O và anh Đ là quan hệ vợ chồng, về con chung tiếp tục giao chị O nuôi dưỡng, anh Đ chưa cấp dưỡng, tài sản và nợ chung không yêu cầu, không đặt ra xem xét. Lời đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: chị Oanh phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 14, 53, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Bích O và anh Lê Văn Đ.

2. Về con chung:

2.1. Chị Trương Thị Bích O được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Thị Thu Tr (nữ), sinh ngày 01 tháng 3 năm 2009, cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi.

2.2. Anh Lê Văn Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Đ mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Trương Thị Bích O phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013118, ngày 27.12.2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Liêm